

LUẬT TƯ PHẦN SAN HỆ BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO

QUYỂN HẠ (PHẦN 2)

THIÊN 18: THỌ THANH TỊNH BỐN THỨ THUỐC

Thân quả báo được duy trì là nhờ thuốc, thuốc đều gọi là Thông, được chia làm bốn, gọi là thời dược.

Từ sáng đến trưa Thánh cho phép uống, việc thuận với pháp thì nên làm không sinh tội, nói thuốc phi thời là những tạp vật như các thứ nước trái cây ép, đối với người bệnh mà lập thời khai cho uống, giới hạn không trái luật.

- Thuốc bảy ngày: ước thúc có thể thành tựu pháp tất cả đều phân đều hạn dùng từ số ngày điều trị rất lợi ích.

- Thuốc suốt đời: thế lực đã sâu kín nên cho phép uống lâu mới trừ được bệnh.

Thân có ba loại:

1. Thân tận dược
2. Thân tận bệnh
3. Thân tận báo

Rõ ràng luận rằng: có thân thì có bệnh, tuy ít sai tổn, sau hẳn trọng phát, thêm vào khẩu pháp có năng lực trọn vẹn nên thọ nhận trong bốn loại này, Luật Ngũ Phần có nói rõ:

1. Nói về thể của thuốc
2. Nói về nơi chốn tịnh địa
3. Hộ tịnh khác nhau
4. Tịnh pháp khác nhau
5. Hai thọ có khác

Trong phần đầu nói dược có bốn thứ là nói theo bốn thứ thuốc, thì thời dược có hai. Trong Luật Tứ Phần có năm loại Bồ-xà-ni (Hán dịch

là chánh thực) nghĩa là thức ăn sơi, thức ăn khô, cá thịt. Năm loại khư Xà-ni (Hán dịch là bất chánh) là cành lá hoa quả xay thật nhuyễn để ăn (như trong tùy tướng).

Luật Tăng-kỳ chép: thời thực là củ cải, củ hành, ngó sen, củ cải trắng, diệt trừ rễ cỏ độc (tức là gốc cỏ Tề-ni căn).

Thời tương là tất cả nước gạo, nước bột, sữa lạc, các luật đều có nói cá thịt là thời thực, đây là bỏ giáo điều trước.

Kinh Niết-bàn chép: từ hôm nay về sau không cho đệ tử ăn thịt, phải quán sát như thịt của con mình, người ăn thịt dứt trừ mất hạt giống đại bi, tất cả các loài vật ở trên cạn, ở trong nước, hay bay trên hư không đều có thân mạng, đều có oán thù, cho nên Phật không cho ăn, rộng như kia đã nói.

Kinh nói: trước bỏ ăn thịt gọi là chẳng phải của bốn loài sinh nhưng hiện hóa vì độ chúng sinh.

Kinh Lăng-già chép: không có xét nhân duyên thì không nên ăn thịt, tóm lại có mười loại:

1. Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay thường là sáu thân, vì nghĩ đến người thân nên không ăn thịt.

2. Chồn, chó, người, ngựa, heo vì đổi thay lẫn nhau.

3. Sinh ra và lớn lên ở nơi bất tịnh.

4. Chúng sinh nghe mùi sẽ sinh sợ hãi.

5. Vì khiến cho người tu hành có tâm từ bi, không sinh tâm ưa thích.

6. Hễ ngu muội huân tập những xú uế bất tịnh không lành thì được ngợi khen.

7. Vì làm cho chú thuật không thành tựu.

8. Vì ăn thịt nên thấy hình khởi thức đả nhiễm các mùi vị.

9. Bị các vị trời bỏ đi, thấy nhiều ác mộng, cọp beo nghe mùi.

10. Vì ăn nhiều loại thịt nên ăn luôn cả thịt người. Như kinh Ban Túc Vương nói: Nay có người ngu muội phần đông ưa thích thịt, trong các tội này là lớn nhất, cho nên kẻ giết mổ buôn bán chỉ là người ăn thịt, nếu không ăn thịt thì không phải là kẻ hàng thịt chém giết, cho nên biết kẻ ăn thịt giống như kẻ giết mổ tạo nghiệp, giới sát sinh có thể không răn giữ hay sao?

Luật Tăng-kỳ chép: nếu là Tỳ-kheo giết thì tất cả bầy chúng không nên ăn, cho đến Ưu-bà-di giết bầy chúng cũng không nên ăn, nay người học giới phần nhiều không ăn thịt, tăng chúng thuộc hệ Đại thừa ở Trung quốc cùng theo lệ này, người học Đại thừa mà lấy uống

rượu, ăn thịt làm hành vi hiểu biết thì cả hai giáo phái Đại thừa và Tiểu thừa không thu nhận, tự họ vào chỗ giết mổ để làm thịt, thiên ma ngoại đạo còn không ăn thịt uống rượu, đây là tướng sử của Diêm-la.

Luật Tứ Phần chép: nếu người sát sinh này thực hành mười nghiệp ác nên mới vì mình mà giết hại sinh vật cho đến thịt ở những nơi cúng tế lớn cũng không được ăn vì xét cho kỹ thì người đến tâm không chủ định, hôm nay kẻ hàng thịt thông với kẻ giết hại thì y cứ theo giáo pháp không ăn loại thịt nào, đây chính là chấm dứt việc ăn thịt, kinh Tỳ-ni mẫu rất giống ở đây.

Luật nói: nếu giữ mười điều lành thì người kia không bao giờ vì mình mà cắt đứt mạng sống chúng sinh, y cứ theo đây thì đâu có thịt gì để ăn chỉ có chúng tự chết, chim chóc tàn hại, giống như bắt tội.

Kinh Lăng-già chép: rượu thịt thuộc về hành, hạ, tử, nên tất không nếm qua, trong nhân gian còn nói không uống rượu ở chợ búa quán xá, huống gì bậc cao tăng xuất gia học đạo, lấy rượu thịt làm ý chỉ ư? Đây là bản hoài có thể thấy.

Ma-đắc-lặc-già chép: nếu dùng rượu nấu là thuốc phi thời một ngày, được uống nghĩa là không có tánh rượu được uống, nay rượu thời được khiến cho đủ mùi vị say sưa, vì tham uống thêm khổ độc, cũng chẳng phải khoái khẩu ngon miệng, nghiệm qua hai đường này để biết được tánh tịnh là hoàn toàn cách xa đạo.

Về Phi thời tương, luật Tăng-kỳ chép: lúa, đậu, lúa tẻ nấu cho đặc lại, nếu bơ dầu, mật, thạch mật, mười bốn loại trái cây làm tương sống, nước trái cây thì phải dùng nước tác tịnh, nếu dưới còn một ít nước dưới đáy thùng chứa nước bị mưa ướt cũng gọi là tịnh.

Luật Thập Tụng chép: nếu nước quả nhỏ không dùng lửa hơi qua để tác tịnh, vì trong nước nên không dùng nước để tác tịnh thì cùng là bất tịnh, không nên uống, nếu cả hai đều tịnh thì được uống, theo đây chung với bốn thứ thuốc vì phá mùi vị để trừ tham.

Luật Thiện Kiến nói nước trái cây ép Xá-lâu-già nghĩa là gốc sen giả vắt nước lắng trong tất cả, tất cả lá ngoại trừ rau cải tất cả hoa, tất cả quả của cỏ, ngoại trừ quả ngọt, bí đao, dưa ngọt, dưa, ngoài ra được uống phi thời.

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: được nhiều loại quả quá ăn không hết thì bỏ ra vắt nước uống, nếu chưa hết đầu hôm mà nước trái cây đã biến thành rượu thì không được uống vì lượng rượu đã thành. Luận có nói rõ, gạo rang cho cháy đen, bỏ thuốc dư vào trong để làm tương, cũng gọi là phi thời tương.

Luật Tứ Phần chép: có tám loại tương, xưa không cho các vị tiên uống là quả lê, táo chua, mía ngọt, nho, xá-lâu-già, v.v... làm tương, nếu người say thì không nên uống, nếu uống thì như pháp mà trị.

Già luận chép: phải sái tịnh ngoại trừ lóng trong cho nước, nếu có chất nước đặc dùng cho thời tạp thực, nếu nuốt xuống khỏi cổ thì tùy theo đó phạm Ba-dật-đề.

Thuốc bảy ngày là, Luật Tứ Phần nói năm loại: bơ, dầu, bơ sống, mật, thạch mật, người đời đã biết thì nên ăn đúng thuốc như ăn cơm, hết cơm không để bám dính.

Già luận chép: đường tương cũng thọ được bảy ngày, cho đến không bỏ tự tánh.

Luật Tăng-kỳ chép: thêm một loại sáp (chất béo)

Luật Tứ Phần nói: ngài Xá-lợi-phất bị trúng gió, thầy thuốc bảo uống năm loại mỡ: gấu, heo, lừa, beo, v.v...

Luật Tăng-kỳ nói thuốc này thanh tịnh không phải khí thời thực, một lúc thọ uống bảy ngày, có bốn trăm lẻ bốn loại bệnh, phong đại dùng một trăm lẻ một loại dùng mỡ để trị. Hỏa đại bệnh nặng dùng bơ để trị, Thủy đại bệnh dùng mật để trị, tạp bệnh dùng ba loại thuốc trên để trị.

Luật Ngũ Phần nói thấy làm thạch mật giả gạo bỏ đường vào, Phật nói tác pháp cũng như vậy, nếu pháp hợp thuốc như vậy thì chp phép uống phi thời.

Luật Thập Tụng nói Thạch mật không được nuốt liền, trừ năm hạng người: người đi xa, người bệnh, người ăn ít không đủ, người không ăn được, nếu chỗ cho nước thì hòa với nước để ăn.

Luật Ngũ Phần chép: hai thời đói, khát thì hòa với nước để ăn.

Luật Tăng-kỳ chép: ăn như trên phần nhiều được nước hoa quả đông lạnh, ăn không hết. Động thành bơ sống được uống bảy ngày, nếu bơ nấu cho nhừ, được thọ dụng bảy ngày (nghiêm biết bơ dầu mỗi thứ đều thọ tác pháp, được hơn bảy ngày không gọi là thọ lại) nếu lúc khát thực phần nhiều được bơ, Tỳ-kheo bệnh nặng nên lấy tám phẩm mịn dày sái tịnh rồi lấy bơ để lên, được thọ dùng trong bảy ngày, nếu có duyên sự không được ở trước, trong lúc tác tịnh nên đối trước một Tỳ-kheo ghi nhớ nói trong đây vật tác tịnh để sinh hoạt tôi phải làm thuốc thọ dụng bảy ngày nếu quên nhầm thì đừng thọ, đừng tác tịnh, quá thời gọi là bất tịnh, nếu được nhiều dầu như trong tô nói, được Hồ-ma ăn còn sót lại, không hết thì nấu lấy dầu, dùng trong bảy ngày. Nếu có duyên sự thì không được tác tịnh, nếu mỡ gấu mỡ heo, v.v... như phần trên có

dùng không? Được mía ngọt và quả cũng giống như trên.

Luật Thiện Kiến nói, thọ dùng sữa đông đặc ghi trong phần sữa đông đặc, bơ là thuốc bảy ngày, đến ngày thứ bảy hợp lại được thì nên uống trong ngày, đến ngày thứ tám thì phạm nên xả bỏ dầu, mật cũng vậy.

Ma-đắc-lặc-già chép, phi thời thọ mía ngọt tác pháp không thành trong thời đồng thành, nhưng mật mùi vị ngon gấp hai, phạm thánh thường nói tham phá hoại việc làm, trước tiên là ở đây, cả hai đều cưỡng ép cướp bóc làm việc đó, nếu không phải bệnh nặng thì hiếm khi để vào miệng, cho nên luật Tăng-kỳ nói Phật thọ nhận thức ăn của loài khỉ chứ không dùng mật ngon của loài ong...

Tận hình thể: Luật Tăng-kỳ nói, hoa rễ của cây Hồ tiêu, Ha-lê-lặc... Đây là thuốc phi thời, Tỳ-kheo bị bệnh, thở hổn hển nên uống cả đời.

Luật Tứ Phần nói không tin là thức ăn thì tất cả những vị mặn, đắng, cay, ngọt v.v... cũng không đảm nhận là thức ăn, gọi là thuốc suốt đời.

Luật Thiện Kiến nói tất cả cây cối và cỏ, gốc, rễ, cành, lá là thức ăn, người không tin là mình trọn đời ăn những thứ đó. Còn cây cối, cỏ lá bất luận là gốc rễ đều là thời được, hoặc gốc là thời được, cỏ là thuốc suốt đời, mọi thứ đều có lẫn nhau nên không thể chỉ tên riêng lẻ được, nhưng có thể ăn thời được là gồm nhiếp được tất cả.

Người không tin thuốc suốt đời, luận số đã rõ ràng rằng nếu bệnh, uống thuốc bảy ngày thì tùy theo bệnh mà lượng thuốc nếu hết bệnh thì phải xả bỏ, nếu không bị bệnh, không đói thức ăn phi thời thì phạm tội ăn phi thời; dầu, mật, cao cũng vậy, cho nên trong luận đưa ra bơ, v.v... thuốc cả đời thì không như vậy, có thân thì có bệnh, Phật cho phép uống thuốc này để phòng hộ thân quả báo trong một thời kỳ, nếu không có khách bệnh, lại không có đói khát thì phi thời không được uống.

Luật Thập Tụng nói rượu trong đắng, không có hơi rượu, không làm bằng hèm đến quá trưa được uống. Bây giờ bàn luận, tất cả kinh luật tùy việc mà bàn bạc về thể, giống như tông này thì đầy đủ ví dụ như trên, nay có người ngu phi thời vọng ăn gọi là nước trái mơ, nước táo tương làm bằng quả gồm cả cặn, củ sen, nước gạo, càn địa hoàng, ngọn phục linh, các thuốc rượu nấu chẳng mặn, đắng mà vừa miệng thì ăn nó lúc phi thời, đồng thời khi ăn đã vượt ngoài tự tâm, vọng dựa vào Thánh giáo không bằng ăn cơm, việc này chưa hẳn làm cho tâm ác thêm lớn, dẫn dắt kẻ hậu sinh vào tội lỗi nhằm lẫn để lưu tiếng xấu muôn đời.

Kế đến là xác định hai mươi sáu vị. Số ghi rằng: thuốc có năm loại, trong vật có vị ngọt, trừ cỏ ngọt, đường cát, bơ dầu còn vị ngọt của đường khác thì phải lượng, vị chua trừ nước quả A-ma-lặc v.v... còn những vị chua khác thì đủ lượng, trong vị cay trừ gốc rễ tiêu ớt A-lê-lặc còn những vị cay khác thì nên đủ lượng, tất cả những vật có vị đắng, chát thì đừng ăn, làm thuốc trọn đời, ngoài thuốc bảy ngày ra, tất cả những vật (thức ăn) có thể ăn gọi là y thời lượng thực, từ sáng sớm đến giữa trưa là thời thực, quá giờ Ngọ không được ăn.

Tất cả nước mía ngọt gọi là y canh lượng mỗi ngày đêm chia ra năm thời, từ sáng sớm thọ đến canh hai, quá thì không được uống cứ xoay chuyển như thế đến canh năm, thời gian này ngâm cơm làm tương thuộc thời lượng bơ, dầu, mật, đường cát v.v... gọi là y thất kỳ lượng. Cỏ ngọt, v.v... gọi là y nhất kỳ lượng, từ sau lúc thọ giới đến lúc sắp mãn báo thân gọi là một thời kỳ, vào lúc này bất luận là ngày hay đêm thường được ăn uống. Tro, đất, nước, nước tiểu, phân, các thứ này gọi là y đại khai lượng, không cần thọ, tùy ý lấy uống. Đây là vật thế gian vất bỏ, chẳng đáng yêu tiếc.

Luật Tứ Phần nói phải thọ các thứ như tro, đất, v.v... (đây là y cứ chỗ có người thì chắc chắn không có ai dùng).

Thứ ba là nói về chuyển biến.

Trung luận nói giống như nước nho ép, người trì giới nên uống, nếu nó đã biến thành rượu thì không nên uống, nếu biến thành rượu đắng thì vẫn còn uống được.

Luật Thập Tụng nói mía ngọt là thuốc đúng thời, nước trái cây lãng trong là thuốc phi thời, chia làm thạch mật bảy ngày đốt thành tro là thuốc suốt đời, thịt là thuốc dùng thời, rán lên cho chảy mỡ là thuốc bảy ngày, nếu đốt thành tro là thuốc suốt đời, hồ gai cũng giống như cách của thịt, lặc là thuốc đúng thời nước trái cây lãng trong như nước là thuốc phi thời, tảo thành bơ là thuốc bảy ngày, đốt thành tro gọi là thuốc suốt đời.

Bốn tướng hòa hợp.

Luận Tát-bà-đa nói tướng của bốn thứ thuốc hòa hợp từ bên ngoài mà uống, nếu lấy thuốc đúng thời và thuốc trọn đời trộn thành thuốc bảy ngày để uống bảy ngày vì do thế lực của thuốc bảy ngày nhiều nên giúp tạo thành, giống như dùng bơ nấu thịt, nước của thịt bơ này được làm thuốc bảy ngày, nếu dùng thuốc đúng thời, thuốc bảy ngày, trộn lại tạo thành thuốc suốt đời để uống cả đời, giống như lấy tô, sữa hòa với rau đay làm thành viên. Lại như phụ tử, chim và các thứ độc ngâm

với đậu, lúa mạch gọi là thuốc suốt đời, nếu lấy thuốc bảy ngày ược và thuốc suốt đời trộn lại thành thuốc đúng thời, đến giờ ngộ thì uống, giống như ăn mì với bơ, dầu, gừng, tiêu, nếu phân số đều bằng thế lực tương tự tùy dược thủ mà đều gọi là tiêu mục, còn những phần khác thuốc phân cho tương xứng với nó như thạch anh, chung không, hoàng ký, bạch mộc, hoàn tán, thang, cao tiễn v.v... đều nêu ra cho biết công dụng của nó.

- **Chỗ để thuốc thì kết tịnh**, lược chia ra bốn môn:

Chế ý: Đều do quả báo của chúng sinh không đồng, có thượng, trung, hạ khác nhau, nếu thân được bậc thượng thì khoẻ mạnh, chế thuốc cho tùy duyên đi khát thực ít ham muốn để cứu thân mạng, chí giữ vững đạo nghiệp không cậy người giữ giúp, các hạng hữu tình bậc trung, hạ thì giống như thượng sĩ, nhưng sức yếu không kham nổi, phải giúp sức mới có thể siêng năng, vì thế bậc đại thánh thương xót vì đồng giới khốn khổ, đối chết mới khai kết chỗ giải thích riêng. Tịnh Danh lấy việc ăn uống là đồng chỗ với cấu uế sinh hoạ hoạn. Nay đã kết riêng, tình vô dư sức, ăn không sinh tội, cho nên danh là tịnh, nếu đồng một chỗ làm cho lòng tham thêm lớn, trái với giáo pháp thì thọ nghiệp, nghiệp là uế nên danh bất tịnh, đây là từ duyên nói tịnh chẳng phải nói đối với uế.

Phân số tác pháp có bốn thứ tịnh:

- Ly tường bất chu tịnh:

Luật Tứ Phần chép: một nửa có hàng rào làm chướng ngại, phần nhiều không có hàng rào chướng ngại, đều không có hàng rào chướng ngại nghĩa là hiển bày trên mặt đất, phi tướng trừ tích cho nên khai ra (hẳn là ba mặt có viện, khai một mặt nhiếp thực nghĩa cương cũng giống như có tội, nhà trừ cô lập có viện cũng giống như vậy) tường, thành, hào, nương cũng giống như vậy (cũng không phải bức tường là vòng tròn mà tùy tướng chung thành).

- Đàn-việt tịnh, có ba:

1. Thực cụ là vật của người khác, Luật dạy:

Từ nay trở đi nên làm thức ăn của đàn-việt khiến tịnh nhân ban cho, không được tự thọ nếu có điều cần thì tìm lấy. Hai chỗ là vật của người khác, cho nên nói nếu vị tăng làm giả làm mà chưa cúng dường cho tăng, tuy thức ăn ở trong cũng không có phạm.

Tam thực xứ đều gọi là nơi chốn người có thức ăn đầy đủ là người khác chứ không phải thuộc về tăng dùng. Ba điều này gọi là tha vật tịnh, cần phải thật, không được giả. Nay phần nhiều gửi bụng, tự lừa

dối, tự phụ, trái với pháp, đắc tội.

Luật Thập Tụng nói, Vua Bình-sa cúng dường ruộng trồng lúa cho chúng tăng, Tỳ-kheo lên đạo tràng, Phật dạy người chưa phân nên lên, nếu phân rồi không nên lên, nếu lên phạm Đột-cát-la.

Vua băng, Tỳ-kheo thấy không có đàn-việt, cho là phạm túc chữ, Phật dạy: Xà Vương đã thay thế chỗ không gọi là có phạm tội (y theo đây nêu những thứ khác đều phạm).

Luật Tăng-kỳ chép: Bà-la-môn cúng dường cháo trắng cho Phật và tăng, vì tăng ở cùng một trú xứ mà làm. Thịt để qua đêm, thịt hầm, không cho phép ăn (vì biết thuộc về tăng thì giống pháp tăng, chẳng phải đàn-việt tịnh thí)

- Tam Xứ Phân Tịnh

Luật Tứ Phần chép: nếu đàn-việt tính toán, làm già-lam cho tăng chúng, phân chia khu vực, nói như vậy: Chỗ này tăng làm tịnh địa, Luật Tăng-kỳ chép: nếu làm chỗ ở mới, Tỳ-kheo làm việc và tăng chưa ở thì đầu hôm lấy dây đo lường để phân chia cho đều. Người xây cất cho tăng ở, chỗ đó cho làm tịnh thất thì nên nhận, không được vào lúc đầu hôm (Luật Tứ Phần nói mặt trời đã mọc). Nếu đàn-việt nói: không chuẩn bị chỗ, chia cho tôi chỗ chưa cúng cho tăng, đây là đồng với vật tịnh của người khác.

Luật Ngũ Phần nói, làm một trụ xứ mới mà chưa có tịnh thất, trước nên chỉ chỗ này làm tịnh địa, đặt thức ăn vào đó, sau đó tăng ở. Nếu đến ngày mai, mặt trời mọc thì không thành.

Luật Thiện Kiến chép: vì sao kết tịnh ốc? Lúc đầu dựng trụ nói chỗ này là tăng làm tịnh ốc. Nói ba lần như thế rồi dựng lên, còn những việc khác cũng làm như thế. Nếu không làm như vậy thì đến một cây trụ rồi thêm pháp vào đó cũng thành. Nếu đã thành rồi gọi bốn chủ đến nói khiến họ chỉ một chỗ nào đó để tăng làm tịnh ốc. Nếu không có xóm làng có một vị lão túc thì mới đến bảo làm nếu họ không hiểu thì chỉ cho họ hiểu.

Tứ bạch nhị kết: nghĩa là chu vi của viện tăng-già-lam, Tỳ-kheo ở trong tăng-già-lam phạm lỗi nấu đêm không kể là người ở gần xa, lâu mau, đều tùy xứ kết tịnh, đuổi Tỳ-kheo đó đi.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Trong đại giới không có tịnh trừ, tất cả các thức ăn để qua đêm không được ăn, cho đến cỏ thuốc cũng như vậy.

Luật Tứ Phần chép: Vì Tỳ-kheo đói chết, nên cho phép ở phòng bên chỗ yên tịnh trong Tăng-già-lam kết làm (phải là ở trong phạm vi tác pháp, không giống chỗ phân chia như trên)

Luật Ngũ Phần chép: Các Tỳ-kheo muốn Yết-ma, một phòng, nửa phòng, nửa gốc, sân giữa hoặc kết chung trong phường làm tịnh địa thì đồng cho phép. Nếu người kết chung, Yết-ma rằng trụ xứ này cùng ở cùng bố tát, Tăng nay kết tịnh địa, trừ chỗ này (nghĩa là tăng ở, tới lui phòng xá, y theo đây tất cả rau quả ở khắp nơi đều không có lỗi, nếu hái, mặt trời mọc ở phía dưới nhà)

Lại nói, phải nương vào đất để đứng, không đứng trên xà nhà.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu một lớp, cách chung cách riêng, lớp riêng lớp chung, cách chung lớp riêng, một bên, hai bên, ba bên, cách đạo, hai bên thì tác tịnh, ở giữa không tác tịnh. Như vậy tất cả đều được. Y theo đây tác pháp Yết-ma, trong văn thì cần phải rõ ràng, chỉ ra những điểm khuất mắc. Kết giới rồi chỉ rõ chỗ để, khiến cho chủ, khách đều biết rõ ràng (trong luật, khách hỏi, chỗ nào là tịnh địa, chỗ nào là bất tịnh địa).

Trong Ba gia pháp, bốn tịnh có hai loại không làm (như đã nói ở phần trên) xử phân một pháp, người khác chỉ bày, như trước đã nói. Người Yết-ma kết giới, ở trong giới tăng trước chỉ chỗ nơi, chỉ xa kết thủ, cho nên không được ngồi ở giữa mà kết giới.

Các Sư ngày xưa nói vì thức ăn mong chờ tăng là thâu nhiếp, là ngăn ngại [page 120] (cho nên phải ở xa kết, ở giữa nhiều tạp tướng) vì tăng mong chờ Tăng thì chẳng thâu nhiếp, chẳng chướng ngại (Tịnh địa có tăng không khỏi riêng chúng). Trong luật bảo xướng lên nơi chốn, cho nên một tùy kheo khởi xướng rằng:

Đại đức tăng xin lắng nghe, con là Tỳ-kheo vì tăng xướng nơi chốn tịnh địa, hoặc phòng, hoặc xứ, ôn thất, trai đường. Về sau ngồi rồi cũng không phải là người cầm điệp xướng mà gọi là Yết-ma. Kế là tác dục vấn hòa rồi bạch nhị Yết-ma rằng:

Đại đức tăng xin lắng nghe: Nếu tăng phải thời mà đến, tăng chấp nhận cho tăng nay ở chỗ này kết tịnh địa, tác bạch như vậy.

Đại Đức tăng xin lắng nghe, nay tăng kết chỗ này làm tịnh địa, các Trưởng lão nào bằng lòng, tăng kết chỗ này làm tịnh địa thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng kết chỗ này làm tịnh địa rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như vậy.

Luật Tăng-kỳ chép, tác tịnh trừ không nên để nước chảy ra bên ngoài bình nước chấm, người có duyên thì nên bằng lòng. Trong luật không có văn, ý nghĩa y cứ theo sự phản kết liền tạo thành, nên nói:

Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu tăng phải thời mà đến, tăng chấp

thuận cho, nay tăng bằng lòng chỗ này làm tịnh địa, tác bạch như vậy.

Đại đức tăng xin lắng nghe, nay tăng đồng ý chỗ làm tịnh địa, các Trưởng lão nào đồng ý chỗ này làm tịnh địa thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng chỗ này làm tịnh địa rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như thế.

Tứ tạp xuất liệu giản:

Đàn-việt tịnh, bất chu tịnh hai nơi này không kể trong, ngoài, đêm ngày đồng tá túc, nấu nướng đều không phạm lỗi. Nhưng không được xúc chạm. Yết-ma xử phân hai chỗ tịnh (đàn-việt tịnh và bất Chu tịnh) cho một Tỳ-kheo ở trong xem xét hộ minh tương. Nếu cho đồng một nơi thì chỉ phá hoại thức ăn, lại cần một đồ vật dùng để đảo đồ ăn để cho thanh tịnh. Nếu ban đêm nấu thức ăn thì phạm tội. Nếu xử trị, trú xứ làm người phân xử, luật Tăng-kỳ nói:

Tăng ở trong chùa phạm lỗi, vì đầu hôm mà muốn làm xử phân thanh tịnh. Trú xứ hư hoại, đất nước loạn lạc, vua mới chưa lên ngôi, lúc bấy giờ được phép thọ làm. Nếu không có duyên này thì khiến cho trú xứ và tụ lạc đình phế hai năm gọi là xử phân.

Nếu không chịu tác xử phân, ngưng kết tịnh có thể ăn đồ vật, nội túc nội chữ. (ở bên trong, nấu bên trong)

Hỏi: Kết tịnh rồi được vào bên trong xem nấu nướng. Vì sao nấu bên trong mà không phạm?

Đáp: Nấu là tùy theo chỗ đại giới, không có người cũng phạm. Tá túc là người đến nương ở. Hai giới (khu vực) không có người thì không phạm.

Ba hoạch tịnh pháp, có năm môn.

- Phiên tịnh
- Hộ tịnh
- Tội thông tắc
- Hộ minh tịnh nhiễm
- Kiệm duyên khai tám việc

Trong phần đầu, nếu ở riêng một nơi duy trì Phật pháp thì phải kết thực giới đồng hộ tịnh thực. Đây là chung cả phạm thánh con đường của chúng tăng phải thuận theo bản hoài của Chư Phật. Nay tự cùng ở chung nắm bắt cái khoảng cách tham nhiễm, là cái mà người thế tục thường xấu hổ, hướng chi là tịnh tăng, nhẹ nhàng với việc ăn uống thường cần kiệm, chẳng lẽ vì đó mà nhiễm ô. Về sau nếu có duyên thì vô lý phải chấp tay, vẫn là việc tiếp xúc với bản tâm, ban đầu không hối tiếc. Nếu

không tin tâm này thì phải là bậc sư tượng (thầy giỏi), muốn y cứ theo lời của bậc thánh để dứt bỏ cấu uế thì có bốn thứ khác nhau:

1. Duyên tịnh
2. Thể tịnh
3. Duyên bất tịnh
4. Thể bất tịnh

Nói duyên tịnh là cái búa, đồ vật úp ngược lại để giúp cho việc lo liệu. Phật khai cho là duyên, ở đây không cần phiên dịch.

Nói thể tịnh là không chứa hai đồ vật, Phật cho phép tự đặt nước lên lửa để nấu, cho đến đồ vật của Chư tăng chứa đầy thức ăn.

Nói thể bất tịnh đây là trị sinh hưng khởi lợi dưỡng dùng để tạo tượng Phật, cúng dường các Tỳ-kheo tăng nên ngăn cấm không cho lễ nhận. Tuy không nắm giữ qua đêm, dịch cũng không được ăn, vì tâm xấu ác. Ba câu trên cùng là chánh kinh. Văn rộng như sao cũng không cần dịch.

Duyên bất tịnh vốn là tịnh nhưng vẫn gặp duyên nhiễm cho nên phải đổi uế thành tịnh.

Luật Ngũ Phần chép: có các đồ vật bất tịnh như gỗ, hờm tẩy rửa đi. Vì sợ người phá hoại dùng nước sôi tẩy rửa nó.

Luật Tăng-kỳ chép: tịnh nhân làm thức ăn, đồ vật sạch rơi xuống vào trong bát Tỳ-kheo, tìm liền nhặt lên gọi là Tịnh. Nếu dính trên giấy lát gọi là Bất tịnh.

Nếu là đồ vật bằng đồng thì rửa sạch nên dùng đồ vật bằng gỗ. Nếu bên trong dơ quá thì gọt bào nó đi. Cái nào không dùng được thì nên bỏ.

Luật Thập tụng nói tùy kheo – có – cái – bồn – dơ, hai ba phen dùng đựng nước tắm gội vì không bệnh nên phải lấy cây vót, sau đó tắm gội hai ba lần, là tịnh. Ngoài ra có mà không dùng hết. Lấy gạo, mì, dầu, tương ở trong chùa ni, người thế tục, Sa-di, tịnh nhân, từng tảng, từng tảng lại rộng lớn ngang nhau. Tuy được vật chính, dùng hai tay bưng bỏ vì khéo nhìn. Nhiều Tỳ-kheo cùng làm với một Sa-di, mỗi người tự vác thức ăn, đến thời tự phân chia.

Sa-di nói với Tỳ-kheo rằng: nay đổi thức ăn của tôi cho Đại đức, cứ lần lượt đổi như vậy cho đến vị hạ tọa. Nếu không có người đồng ý dạy điều đó cũng được. Y theo đây lần lượt đổi uế thành chứng quả. Nếu chậu, lu và những đồ vật có thức ăn bản thì để thức ăn vào nồi hơ qua lửa, trong ngoài đều nóng, chất dơ xuất ra thì thức ăn tịnh. Hòm hương bằng gỗ thì bào vót rồi trét bùn lên, hầm đất, tùy theo đồ vật mà

trét lên đồ vật bằng đá, hoặc dùng nước rửa hoặc khắc rửa. Nếu sạch rồi thì thôi.

Luật Tứ Phần: được cầm cái móc cửa của chúng tăng, hoặc gậy, hoặc vòng, hoặc thìa, hoặc thìa bằng sứng hoặc thìa bằng đồng hoặc bồn tắm, giường nằm thì không xúc tịnh (nghĩa là chẳng phải y phục thường dùng)

Hỏi: Xúc tịnh là lỗi gì mà Phật phải nhọc sức chế ngăn nó?

Đáp:

1. Phật muốn tăng thượng, đệ tử khiến cho việc làm hơn mọi việc khác. Bên trong có thắng pháp bên ngoài có việc làm cũng vậy. Giống như ở thế gian, người sang ngồi yên để thọ thực, không làm việc cực nhọc và thân hình đẹp đẽ.

2. Vì hiện tượng đại nhân. Tam thánh ba đời cũng không tự làm. Nay nếu ban đêm va chạm vì mất pháp bậc thánh.

3. Chư Phật lập giáo chung cho cả Đại thừa, Tiểu thừa đều không nấu ban đêm. Giống như kinh Lăng-già, Luật Thập Tụng đã nói.

4. Thêm lớn lòng tham, phá hoại đức tin.

5. Phế bỏ việc tu, nghiệp ác có cơ hội phát sinh.

6. Chết đọa vào hầm phân.

Kinh Hộ Tịnh nói có người ban đêm cầm nắm v.v... chúng tăng ăn thức ăn bất tịnh. Sau đọa trong ao phân hôi thúi, năm trăm muôn đời chịu khổ, hết tội khổ này lại đọa vào loài heo và bọ hung, mỗi loài phải trải qua năm trăm muôn kiếp, thường ăn thức ăn bất tịnh. Sau được sinh làm người, nhưng phải làm hạn người nghèo cùng cơm áo thiếu thốn. Phật bảo các Tỳ-kheo: chúng tăng ở nơi này làm thức ăn bất tịnh, nếu không đủ thì đi xin ăn, như pháp mà ôm bát xin thức ăn của người tại gia. Đó gọi là mạng sống thanh tịnh. Do đây nói Tỳ-kheo tri sự vì xúc chạm đồ vật thanh tịnh nên đọa vào trong loài ngọc quý hơn năm trăm năm, không nhìn thấy nước trái cây ép. Khi muốn vào nhà xí, bị quỷ thần hộ nhà xí đánh không cho đến gần. Nói rộng nhân duyên như vậy. Luận Đại Trí Độ nói:

Nếu bậc Sa-môn ruộng phước dùng tay dơ bẩn sờ vào thức ăn, hoặc ăn trước, hoặc lấy vật bất tịnh bỏ vào thì đọa vào địa ngục Phân Sôi, rộng như trong quyển 17. 18. 19. Trong phẩm Phân Tề Long của kinh Đại Tập nhật tạng có nói rộng, Tăng ăn khó gần, khó dùng. Các kinh như kinh Tăng Hộ, v.v... .. đến ngày mai là phi pháp thọ dụng tang vật. Văn rộng không ghi đủ. Nói cho thông với đây là: nếu không có hổ thẹn, khinh mạn lời Phật, chính bản thân đồ vật còn phạm huống gì vật

của tăng. Nếu nói sâu xa hơn thì phải tự dứt bỏ mới vượt khỏi kỳ hạn.

Ngũ Bách Vấn chép: nói về trì giới, vị Tri sự chỉ đồ vật của vị tăng, La-hán đại diện sám hối khổ duyên, như thế mà rộng biết.

Hai điều hộ tịnh pháp, trước tiết lộ ác xúc.

Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo ăn rồi lấy bát và thức ăn bần của mình cho Sa-di và người tại gia. Sa-di rửa bát rồi lai đặt vào trong đồ vật của tăng. Đây gọi là Tịnh, một lòng qua cho thì không phải là ác xúc. (y theo đây, dưới đồ vật còn sót thức ăn bảo tịnh nhân trao cho là có lỗi xúc chạm)

Luật Ngũ Phần chép: Nếu không có tịnh nhân để tay bần (nghĩa là trước cầm thức ăn của Tỳ-kheo làm cơm, mì cho tăng, bậc Thượng tọa, một người được bát tịnh còn những người khác gọi là Tịnh. [121] Tịnh nhân đem tịnh mạch vẽ cái bát tịnh mạch lên trên, được lấy qua phần trên. Nếu bát tịnh mạch vẽ lên trên một cái tịnh mạch thì tất cả đều là bát tịnh. Nếu lấy cái tịnh ở trong cái đồ đựng bát tịnh thì cái tịnh đó phải được treo ở giữa.

Như những đồ vật đầu, du, khuôn v.v... tất cả đều là bát tịnh.

Luật Thập Tụng chép: Đặt thức ăn bát tịnh vào thức ăn sạch thì phải bỏ nó ra. Ngoài những món ăn khác như bánh, trái cây cũng vậy (y theo đây, những thức ăn khó tiêu, hình dạng có thể khác nhau tướng uế, tính cũng nhiều thì nên đổi).

Luật Tăng-kỳ chép: nếu lúc phơi lúa đậu, Tỳ-kheo ở trên, hành giả ở dưới bảo tịnh nhân bưng đi. Nếu việc khó gấp tuy có lao vào cũng không có tội. Nếu biết chắc là trời mưa, không có tịnh nhân từ xa được ném vật tịnh phủ lên trên rồi cầm những viên sỏi, ngói, đá sạch chấn lại. Nếu là đồ đựng thức ăn cũng nhớ làm như vậy. Nếu trong nhà trừ có những thức ăn như bình, bơ, dầu, mía ngọt, trúc, bó trúc, bó lau, Tỳ-kheo lấy bình dầu bảy ngày mà lại cầm nhầm bình tịnh dầu đem đến, người khác thấy không được liền nói mà đợi người (tri khố) đến hỏi:

- Đây là dầu gì?

Đáp: Dầu bảy ngày. Người kia nên bảo ông đặt bình dầu này dưới đất không được nêu tên họ, bảy ngày sau trở lại lấy (vì đã đựng nhầm nên không thành).

Nếu bảo lấy tịnh dầu nhưng người thế tục không hiểu cầm nhầm dầu bảy ngày đem đến thì cũng làm như pháp có mất). Nếu tự mình cầm nhầm những vật khác cũng như vậy.

Nếu nói xem xét tất cả đồ vật, xem bình tro đã đem đến. Cái bình trong tay Tỳ-kheo này là nhầm lẫn, nên xem xét nên gọi là Tịnh. Nếu

thả cái bình trong tay ra thì gọi là bất tịnh (những vật khác cũng giống ví dụ này).

Khí trung minh xúc:

Tất cả những lá xanh cuốn lại là đồ vật, duỗi ra thì chẳng phải đồ vật. Cái bàn vì không có đồ vật để đặt miếng bún lớn vào để ăn, cho nên lấy cái giường dài, tọa cụ, giường dậy, giường dệt mịn sít làm đồ vật để ngồi ăn. Thuyền ở trên sông, xe làm trâu sợ hãi thì chẳng phải là đồ vật. Nếu lúc ăn không có cái gì làm đồ vật thì nên lấy một tấm ván dài đặt lên giường rồi ngồi lên trên đó ăn, hoặc đặt mía ngọt, củ cải, lúa đậu v.v... lên trên đó rồi mời Tỳ-kheo đến ngồi, không nên động thân, nếu hỏi thì tất cả đều là đồ bất tịnh (vì có duyên nên khai cho ngồi, nếu động thân, hỏi thì thành xúc chạm).

Nếu máng y lên cái giá ở trên gác kho thức ăn thanh tịnh và y bát. Nếu lấy đồ vật làm đưng vật đựng thức ăn đã thanh tịnh thì tất cả đều trở thành bất tịnh. Nếu cái gác chắc chắn không lung lay thì được. Nếu ở trên thuyền chở mười bảy loại lúa đậu, bên trên phủ cỏ lên thì Tỳ-kheo được ngồi lên nhưng không được gọi danh tự. Nếu bị gió thổi, sóng cuốn đến bờ thì tất cả đều thành bất tịnh. Nếu dây thuyền, cây sào để chèo thuyền không rời khỏi nước thì gọi là tịnh. Trên xe lớn chở nhiều lúa đậu, Tỳ-kheo được ngồi lên để giữ nhưng không đi. Nếu xe nhỏ có vật thanh tịnh. Nếu lúa lấy y bát động xe thì tất cả đều trở thành bất tịnh, nên bảo tịnh nhân lên trước, Tỳ-kheo lên sau. Nếu lúc xuống thì Tỳ-kheo xuống trước, tịnh nhân xuống sau. Nếu ở trong xe chở đồ vật, sơ ý thì xe lật trâu lia khỏi xe, tất cả đồ vật đều trở thành bất tịnh. Nếu cái đuôi dây buộc trâu chưa lia khỏi xe thì gọi là tịnh.

Luật Thập Tụng chép: tùy kheo cho Sa-di thức ăn để ở mái hiên nhà. Trên đường đi đến giờ ăn thì cho Sa-di thức ăn, nhưng Sa-di trả lại cho Tỳ-kheo. Nếu trước không cùng ăn mà ngược lại với ở đây thì không được bảo Sa-di mang thức ăn ở bên ngoài hiên lội qua sông vì sợ chìm, cho đến được hưởng thức ăn ở ngoài hiên đó. Tuy có cầm nhưng không phạm, đã qua đến bờ không cầm nữa. Nếu nhận cơm đựng trong đồ vật bất tịnh thì tất cả không nên bỏ. Nếu là cái chén thì bỏ, còn chừa lại những vật khác, giống như trong luật Tăng-kỳ, được ăn. Nếu lúc ấy dây buộc bát nhận cháo nóng, bên trong có mỡ chảy ra thì nên bỏ ngay chỗ mỡ chảy, còn những món khác thì được ăn. Đồ vật đựng cơm, cháo, canh bị nghiêng qua một bên, cho phép tịnh nhân làm giúp, sửa cho ngay rồi thì thôi không được sờ vào nữa. Nếu người giúp tịnh phủ cũng vậy, tịnh nhân vẽ bình bơ dầu nghiêng qua một bên cũng vậy, xe người

kéo hay lừa trâu kéo chở thức ăn bị nghiêng qua một bên cũng vậy. Lúc trời mưa gió đồ vật thanh tịnh để trên đất trống, nên rửa tay thật sạch cầm tấm che đặt lên chỗ có đồ vật (đây là thể tịnh).

Luật Tứ Phần chép: nếu bình bơ dầu mà không đặt, hoặc không có tịnh nhân thì tự tay cầm đồ vật che lên (gọi là duyên Tỳ-kheo, nếu cư sĩ cầm thức ăn thưởng cho Tỳ-kheo, sau tìm trả lại cho Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo nên rửa sạch tay để nhận. Nếu chín bát có lỗ xay thức ăn để vào trong, tùy theo cái có thể rửa thì rửa. Còn những thứ khác không đưa ra, không phạm. Nếu vào trong tăng để ăn mà không có bình bát thì cho phép chọn chỗ ngồi, nếu trong tăng có bát thì mượn dùng (cũng là thể tịnh).

Luật Thiện Kiến chép: Tỳ-kheo dùng hơi thể thổi đồ vật thanh tịnh gọi là xúc chạm.

Luật Ngũ Phần chép: bình bơ dầu bị nghiêng nên sửa lại cho ngay, không được lìa khỏi đất ném vào gạo tịnh thì có thể phân tích lấy nó ra. Nếu không thể phân tích thì bóc bỏ ra một nắm.

Luật Tứ Phần nói: có thể tự vãi hạt nếu rau mọc lên thì cho phép ăn, nhổ cây con trồng lại cũng cho phép ăn (rau quả khác cũng giống như vậy). Nếu Sa-di nhỏ cầm thức ăn thanh tịnh qua sông thì phải đặt ở giường vải trái cam, khiến cho từ trên xuống dưới.

Luật Thập Tụng chép: Tịnh nhân lấy thức ăn để lên phía trên, Đại Tỳ-kheo tự tay sờ vào thức ăn phạm Đột-cát-la.

Nếu bị bệnh uống thuốc thì đừng để cho người thấy.

Luật Tỳ-nại-da nói được lúa gạo lấy cho khách (nghĩa là bảo tịnh nhân nhận lấy).

Hai là nói về tự nấu:

Luật Tăng-kỳ nói: nếu ở chỗ a-luân-nhã, tịnh nhân bị bệnh, không có tịnh nhân mà tỳ-kheo có lúa thanh tịnh thì Tỳ-kheo tự giã nấu cháo cho tịnh nhân, tịnh nhân ăn không hết, Tỳ-kheo không được tự ăn (theo Luật Thập Tụng trước không đồng tâm đồng lòng cho cũng được).

Luật Tăng-kỳ chép: nếu tịnh nhân khó tìm được thì Tỳ-kheo phải tự làm thức ăn, phải tự rửa cho thật sạch, không được đổ nước vào vật dơ bẩn để đun sôi (đây là thể tịnh, không được đun đồ vật của tăng bị bẩn trên lửa, phải giữ điều đó). Nếu đã sai tịnh nhân bỏ gạo vào nước rồi thì không được đun vào, bảo tịnh nhân đun sôi. Cho phép đặt cây ngang dưới đất, Tỳ-kheo ở trên bảo tịnh nhân đặt nồi cơm lên trên cái cây ngang, miệng nói thọ thọ, sau đó tự mình nấu cho chín để cho người

bệnh ăn. Chớ bảo là đừng thọ nhận đồ vật đã rơi vào trong, cho đến luộc rau phải để cho chín tác pháp giống như trên. Nước gừng cũng không được nấu, vì biến sinh. Nếu trời lạnh, xin được tự hâm cho nóng, không phạm.

Lúc làm thức ăn, tịnh nhân còn nhỏ thì cầm tay nó dạy vo gạo, chắt nước cơm.

- Nói về ở trong đêm:

Luật Ngũ Phần chép: Nếu sai tịnh nhân rửa rau ở chỗ bất tịnh, rửa chưa xong, mặt trời mọc thì không phạm.

Luật Tứ Phần chép: có một Tỳ-kheo mang thức ăn đến tìm tịnh địa, tìm chưa được mà mặt trời mọc thì không phạm.

4. Nói về nấu trong nội giới, ở trong nội giới vốn là người khác nấu, có dư được chút ít thì rửa sạch sẽ rồi thọ thực.

Ba minh thông bát chia làm hai:

1. Bốn thứ thuốc: nếu là thời được thì quyết định có nấu đêm để dùng riêng làm ba cương năm thường phải làm cho nên uống.

Ba được không thêm pháp:

1) Thuốc đồng thời: nếu về bệnh mà thêm nghe pháp thì có thông cục.

2) Thuốc phi thời: qua giờ ngộ, mặt trời chưa xuất hiện uống đều được. Nếu minh tướng xuất hiện thì mất khẩu pháp, thức ăn thừa ác xúc là phi thời sinh.

3) Thuốc bảy ngày: khai cho tác pháp thêm vào nội tịnh trừ. Đêm chưa tàn đầu phải qua ngày thứ tám, sáng sớm hôm sau thức dậy thì đủ tội như sau.

2. Thọ suốt đời thọ: Tất nhiên là chín rục không thể nảy mầm được, luật khai cho tự nấu trong đêm.

Luật Tăng-kỳ chép: tự nấu nước gừng bị kết phạm, nghĩa là có sinh sôi. (theo đây quyết định khai ba tội thuốc bảy ngày không giống như nấu đêm).

Luật Thập Tụng chép: nước thạch mật, khai cho người bệnh ban đêm được uống (phải là nạn duyên).

Luật Tứ Phần chép: dầu, bơ đêm tàn khai cho nhỏ vào mũi, những thuốc bất tịnh khác không được gia pháp.

Chánh văn của Luật Thập Tụng chép: đầu hôm có ba hạng giống như trên thêm vào thức-xoa-ma-na-ni.

Trong Luật Tứ Phần nói Thức-xoa được cùng với đại ni ăn nhưng không được ngủ chung (có nơi vì không có Sa-di nên khai cho). Trong

đêm kết tịnh địa rồi thì trong phòng tăng được cùng ăn đêm. (không nói tịnh địa có Tỳ-kheo).

Nấu đêm: kết tịnh địa rồi trong phòng tăng được nấu đêm.

Tự nấu: Đại Tỳ-kheo tự làm [page 122], không nên ăn như ba hạng người trên.

Ác tróc: tự tay cầm quả đưa cho tịnh nhân rồi lại lấy ăn (không quyết định xả bỏ, cho người rồi lấy lại ăn giống như ác tróc).

Luật Tát-bà-đa chép: cùng ăn đêm có ba hạng: đã nhận thức ăn rồi còn tự làm thức ăn nghĩ là cùng ăn đêm.

Không cùng ăn đêm mà để qua đêm phạm Đột-cát-la, nếu ăn phạm Ba-dật-đề (vì đêm tàn, trong Luật Tứ Phần cũng giống như vậy). Nếu tự cầm ăn gọi là ác tróc. Nếu làm thức ăn tự nghĩ là để qua đêm, phạm Đột-cát-la. Nếu ăn, không thọ nhận, không cầm, tự làm thức ăn, nghĩ để qua đêm rồi ăn, phạm Đột-cát-la. Nếu người ở chung với mình ăn đêm thì mình không có lỗi.

Dùng bốn lỗi này đối trước một người:

Hẹn giờ đến chỗ mong được thức ăn để ngày mai.

Tướng thứ nhất là trong đêm đến trú xứ, không thông qua hết hại tịnh, xử phân nên bạch nhị Yết-ma và chung cả nội giới. Đến giờ thì phải đợi mặt trời xuất hiện. Y cứ người chỉ y cứ vào ba Tỳ-kheo, biết là phạm lỗi này. Trong luật hỏi tịnh địa, mặt trời chưa mọc chó mang thức ăn đến, gió thổi trái cây rụng, luật nói không biệt không phạm. Ni thì chung cả bốn người, cũng giống như vậy.

Người đến ăn, vật cách mặt đất tất cả đều phạm, chưa cách đất, người chưa trưởng thành thì không phạm.

Người đã trưởng thành gặp sương cũng là thời hạn ban đêm, đối với bốn thứ thuốc luận bàn như trên.

Hai là Nấu trong đêm: Đối tịnh địa đều lấp kín, đối thời chung cho cả ngày đêm, đối với người chung cho cả bảy chúng, y cứ lượng thức ăn chung cho cả sống, chín. Đối với bốn loại thuốc mà nói, giống như pháp suốt đời, cho phép trong giới ban đêm nấu đồ ăn, còn ba pháp khác thì không thích hợp, cho nên Luật Tăng-kỳ nói: Ngài A-nan vì Phật hâm cơm ở bên cửa tịnh xá Kỳ-hoàn, nên biết không được ở trong giới nấu nướng đồ ăn.

Ba là Tự nấu: đối xử chung cả tịnh địa và bất tịnh địa, đối chung cả ngày và đêm. Đối nhân, hạn cục ba vị đại tăng. Trong ni có bốn người. Đến để ăn mà đồ ăn còn sống Phật khai cho nấu lại, không phạm. Trong pháp bốn thứ thuốc cũng khai thêm cho pháp suốt đời.

Luật Thập Tụng chép: nếu thức ăn còn sống hơ qua lửa làm pháp tịnh rồi được nấu.

Thế nào là Tịnh? Cho đến hơ qua lửa (nhấn đến hái rau cũng y theo đây), thức ăn lạnh hâm lại cho nóng.

Ngũ Bách Vấn chép: nếu chần, thuốc thanh tịnh, Tỳ-kheo được tự dùng.

Bốn là ác xúc: y cứ theo xứ chung cho cả tịnh địa và bất tịnh địa.

Y cứ theo thời, chung cho cả ngày và đêm.

Y cứ theo người, đại tăng có nhiều loại.

1. Vừa đến không chịu cầm liền.
2. Nị thế tương liên (như y, bát, khăn không sạch, đem giặt để nhuộm).
3. Nhậm vận mất thọ (bốn thứ thuốc không thêm pháp phần giữa và sau đều mất thọ, nếu thêm pháp ba thứ thuốc, mỗi thứ tùy theo thời hạn thì mất thọ).

4. Gặp duyên mất thọ (tịnh nhân tiếp xúc với giường, đồ vật).

5. Quyết ý xả thật (như đã thọ rồi trong ý không muốn ăn. Sau không thọ mà lấy đặt xuống đất).

Nếu Sa-di, tịnh nhân vẫn có nị xúc (nghĩa là cầm bát của Tỳ-kheo đã ăn xong ở trên tay không rửa mà cầm đồ vật của tăng)

Đại tăng lại có bốn loại, không thành ác xúc

1. Vì thọ nhận mà cầm nắm (như trong đồ vật của người thế tục đã đựng đầy thức ăn đem dâng cúng cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo đưa tay nhận lấy nên không thành ác xúc. Cho nên thức ăn trong bát cũng vậy).

2. Gặp duyên mất thọ (tịnh nhân xúc thật, đúng như pháp chớ tiếp xúc, Tỳ-kheo rửa tay rồi nhận từ tịnh nhân, tịnh nhân không cần rửa tay)

3. Người trì giới cầm nhầm.

4. Người phá giới cố xúc chạm cũng gọi là Tịnh thực, lại dùng ba câu phân biệt.

1. Xúc chạm mà không có ác ý.

Luật Thập Tụng chép: Quên không nhận trái cây mang đi. Nếu thấy tịnh nhân nên đặt bát xuống đất rửa tay, nhận lại.

2. Ác mà không xúc chạm. Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo phá giới cố xúc chạm gọi là Tịnh. Luật Tứ Phần nói các Tỳ-kheo chê ghét lẫn nhau cố ý xúc chạm thức ăn đã tịnh của người khác khiến cho thức ăn trở thành bất tịnh. Phật nói, không xúc chạm thì tịnh, xúc chạm thì bất tịnh, phạm Đột-cát-la.

3. Vừa xúc chạm, vừa xấu ác: Luật Thập Tụng nói Tỳ-kheo trì giới, Tỳ-kheo biếng nhác cố xúc chạm thức ăn gọi là bất tịnh. Luật Ngũ Phần nói, ở trên cây gọi là ác xúc. Nếu đến lúc ăn nói chung cả xanh và chín.

4. Cùng che rơi xuống. Luật Tứ Phần nói: thức ăn nào ở trên cây cũng từ gốc cây mà giải quyết. Nếu gốc cây ở chỗ đất dơ bẩn, cành lá che đất sạch sẽ, thì quả sẽ rơi xuống chỗ đất sạch sẽ, hoặc vì gió thổi, mưa đánh, chim thú ăn làm rơi xuống chứ không ai đụng đến làm cho nó rơi. Cho nên biết những quả này gặp duyên mà rụng. Tuy mặt trời đã lặn nhưng không thành đêm, nghĩa là quả đã đủ lớn. Nếu rau quả ở trên đất dơ bẩn chưa đủ lớn, vận trùng sinh thì chẳng phải là trong đêm. Tùy theo lứa mà hái nó đưa vào tịnh trù. Nếu rau quả đã rời khỏi bồn xứ. Nếu Tỳ-kheo biết mặt trời đã lặn thì không được ăn (ở đây nghĩa chỉ ước lượng chứ trong luật vẫn không rõ).

Luật Ngũ Phần chép: gốc cây ở nơi đất sạch sẽ hoặc dơ bẩn, Tỳ-kheo cũng ở chỗ đất sạch sẽ hoặc dơ bẩn, quả rụng vào trong ấy thì bảo tịnh nhân nhật gom lại để qua đêm, nếu không biết chỗ dơ bẩn thì cho phép dùng; còn nếu biết chỗ dơ bẩn thì không được ăn.

Luật Tăng-kỳ nói cây ở chỗ đất sạch sẽ hay dơ bẩn, quả rơi xuống đất sạch sẽ thì lượm lúc nào cũng được.

Nếu cây ở chỗ đất sạch sẽ hay dơ bẩn, quả rụng xuống chỗ đất dơ bẩn thì phải sớm đem vào tịnh trù. Nếu đưa, bầu mọc ở chỗ đất dơ bẩn thì hái lấy mau mang vào tịnh thất.

Nếu có lúa thóc, đậu mè chờ đến thì cũng y cứ theo trước; đồng thời nếu Tỳ-kheo không biết ở chỗ đất dơ bẩn thì những thứ ấy trở thành sạch sẽ. Nếu đã biết là mọc ở chỗ đất dơ bẩn (Luật Tứ Phần nói biết hay không biết đều rất giống luật này).

Thứ năm là năm mất mùa khai cho tám việc:

Luật Tứ Phần nói, vì lúa đậu quá hiếm hoi, người dân đói kém, việc khất thực gặp khó khăn. Tuy xin được chút ít thức ăn nhưng bị giặc lấy đi, vì vậy Phật thương xót nên khai cho trong giới cùng ăn chung, được nấu ban đêm, tự mình nấu, tự lấy ăn hai loại thức ăn của tăng tục, trái cây hoặc ở dưới nước hoặc ở trên đất liền đều không tác tịnh, còn những món ăn khác thì cứ làm đúng như pháp, nếu định tội thì phải khai tám tội: nấu ban đêm, tự nấu, ác xúc, không thọ nhận đủ, ba tội ba-dật-đề, bốn tội kiết-la. Thêm vào nghĩa làm hư hoại mạng sống, giống như quả trên đất liền hoặc dưới nước không thọ nhận mà ăn, há phải tác tịnh hay sao?

Luật nói: Nếu thế nghèo khổ thì y cứ theo đó khai cho tám việc, Phật nói: không được đúng như pháp trị họ.

Luật Thập Tụng chép: nếu lúc mất mùa đói kém, thức ăn đã hết thì được mang những gì còn sót lại đi, nói cho thí chủ biết.

Đại môn thứ tư là tịnh sinh chủng pháp, trong đó có ba, nghĩa là chế ý, xứ nhân và Tịnh pháp.

1. Chế ý: Luật Tử Phần đã luận sơ rõ ràng những người thế tục và ngoại đạo cho rằng tất cả cỏ cây đều có mạng căn, vì thế Phật không chế giới này. Nếu Tỳ-kheo làm thương tổn cỏ cây, bị người khác quở trách, khiến cho Tỳ-kheo kia đắc tội không khác với người tại gia, không sinh tâm cung kính. Cho nên Luật Thập Tụng nói chánh pháp mau diệt, lại phải phương tiện chế giới. Ngoài ra, giống như giới phá hoại mạng sống đã nói.

2. Nói về xứ nhân: nếu bảo tịnh nhân tác tịnh thì có bốn câu:

a. Người và trái cây đều ở chỗ đất sạch thì thành thanh tịnh, rất tốt.

b. Người và trái cây ở chỗ đất dơ bẩn, thành thanh tịnh thì không được ăn (vì bên trong đã chín quá còn bốn chúng khác thì được ăn).

Còn lại câu xuất xứ từ Luật Thập Tụng. Cho nên văn nói: quả ở chỗ đất dơ bẩn, hoặc sạch sẽ, lấy lửa, dao tác tịnh, thành tịnh được gọi là tịnh, được ăn.

c. Nói về pháp tịnh: Luật Tăng-kỳ nói, mỗi khi ăn bậc Thượng tọa nên hỏi:

Rau quả đã tác tịnh chưa? Không bị sâu phải không? Hỏi đáp đúng như pháp: Vị Duy-na cũng vậy.

Luật Tử Phần nói có mười loại:

Năm loại đầu là: Hỏa tịnh, đao tịnh, thương tịnh, chim mổ nứt tịnh và bất trung chủng tịnh, trong năm loại này, đao, thương chim tịnh thì bỏ hạt mà ăn.

Năm loại kế: là lột da, gọt vỏ, đậu hủ, hoặc bể vỏ, hoặc mọng nước, khô ráo. Như vậy phải thanh tịnh căn chủng.

Lại nói: nước rửa tưới lên gốc rau quả thì gọi là tịnh căn chủng.

Luật Tăng-kỳ chép: củ cải rau răm thì vò để tác tịnh, loại rau có thân thì hái bỏ rau rìa cho sạch, những loại quả có hạt như dưa, bên trong ruột đã sạch sẽ. Những loại quả thì dùng hỏa tịnh, quả chưa có hạt thì nên nhồi để tác tịnh. Nếu có hạt thì dùng lửa tác tịnh.

Luật Tử Phần chép: Hỏa tịnh chung cho năm loại.

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Nước trôi sạch bụi bặm, đây hiện ra tướng

hoại.

Luật Tăng-kỳ chép: nhiều quả để trong một cái rổ thì nên lấy một quả ra tác tịnh thì các quả khác đều được tác tịnh. Nếu mỗi quả đựng riêng trong mỗi rổ thì tác tịnh từng quả.

Thân mía ngọt còn lá thì lấy thân để tác tịnh, còn không có lá thì bỏ lại tác tịnh (y theo đây, các loại quả không làm pháp tác tịnh).

Nếu là lúa tẻ (đây gọi là thượng đả bì lạc do cám trắng bên trong vỏ. Loại này có thể sống. Hoặc như Luật Thập Tụng nói Tỳ-kheo nấu cơm trước phải vo gạo cho sạch. Củ cải dùng hỏa tịnh, đao tịnh rồi thì thôi, nếu chưa dùng thì nó sống lại, nên phải tác tịnh nữa [page 123].

Luật Tứ Phần chép: Tỳ-kheo không nên tự tác tịnh, phải đặt thức ăn dưới đất bảo tịnh nhân làm, rồi rửa tay thọ nhân. (đây là đối với nơi có người, nếu không có người thì Tỳ-kheo tự làm). Luận đã nói rõ rằng: được tự làm thêm việc, số giải không nói được tự tác tịnh nhưng tự làm thì có lợi ích. Giống như gom một đồng quả hạt. Nếu chưa có người tác tịnh mà vẫn ăn da, thịt, mỗi việc phạm một Đột-cát-la.

Nếu ăn hạt, mỗi hạt phạm một tội Ba-dật-dê, lấy lửa hơ qua một lần rồi thôi, phạm Đột-cát-la. Nếu làm cho một đồng quả hạt đều trở thành tịnh khỏi phải nhiều tội, há không phải là lợi ích hay sao?

Luật Thập Tụng chép: sao phải tác tịnh? Cho đến dùng lửa hơ qua một lần? Nếu dùng lửa đốt thành tro và than v.v... thì không thành tác tịnh. Tỳ-kheo tự tác tịnh, còn những món khác Tỳ-kheo không nên ăn (nghĩa là đã được hơ qua lửa). Nếu dùng dao xẻ dưa, tác tịnh thì được ăn.

Luật Tứ Phần chép: hai loại rễ và thân dùng lửa tác tịnh.

Luật Tăng-kỳ ghi: Trái cây bị lửa đồng thiêu đốt thành tro, rải quanh đồng lúa đậu sọ phi nhân trộm, cũng gọi là tác tịnh. Nếu quả và hạt đã dùng hỏa tịnh rồi thì cho phép ăn. Nếu quả sạch dùng lửa tác tịnh thì ăn lửa hạt ra (đây là phá tướng chứ không làm hư giống).

Nếu dùng lửa tác tịnh những quả vỏ không sạch thì đều được ăn. Cả vỏ lẫn hạt đều không sạch cái lửa ra cái nuốt vào đều không phạm. Nhưng pháp dùng lửa tác tịnh thì chung cho cả chủng tướng, còn những món khác thì tùy tướng. Luận số đã nói rõ phương pháp tác tịnh này không chỉ gói gọn trong một vật để tạo thành như một đồng đào mạn, mà chỉ dùng một quả trong đồng quả đó hơ qua lửa một lần thì tất cả đều thành tịnh. Giống như dùng dao bổ dưa, một quả bên ngoài đã tác tịnh thì tất cả các quả khác đều gọi là tịnh. Thể của phương pháp tác tịnh này vốn đã lấy đây làm pháp, không làm cho thực vật chết đi,

nên gọi là Sa-môn tịnh. Y cứ vào gạo có vỏ như trên đã bỏ vỏ tác tịnh, những thức khác phải y theo đây.

Hỏi: làm sao phân biệt được chủng tướng?

Đáp: Tướng là trên tất cả rau quả có lông màu trắng, nên y theo gốc xanh thắm không thay đổi màu sắc của nó, nó gắn liền với đất.

Luật dạy: nay chính là bảy loại màu sắc của cây cỏ.

Nói là Chủng, nghĩa là (Trồng), có loại nhổ từ chỗ này đem đến chỗ khác trồng. Luật nói: gốc có năm loại rộng như tùy tướng.

Thứ năm, là cách thọ khác nhau, thọ từ tay và miệng khác nhau hàng ngày thường dùng. Nếu không nói rõ, thì giáo tướng khó hiểu bày.

Sơ lược nét chính lấy làm, tám môn.

1. Ý nghĩa chế ra nhị thọ.
2. Thọ chung cho bốn thứ thuốc.
3. Đối nhân khác nhau.
4. Gia pháp cũng khó.
5. Thuyết tịnh thông cục.
6. Hai thọ rộng hẹp.
7. Lại thêm tấn tới hay không.
8. Nói về tướng tội.

1/ Môn đầu tiên dùng tay thọ nhận.

Như trong luận Tát-bà-đa chép:

1. Dứt nhân duyên trộm cắp
2. Vì làm chứng minh
3. Vì dứt phỉ báng.
4. Vì để ít muốn, biết đủ.

5. Vì làm cho người khác sinh tâm cung kính khiến cho ngoại đạo được lợi ích, nay đủ như trong tùy tướng.

Luật Ngũ Phần chép: do chưa chế giới nên mỗi người đều phạm một sai lầm, bị người tại gia quở, chúng ta không vui khi thấy những người ác này, đắp y cắt rọc, hoại sắc mà không nhận thức ăn để ăn, nói là không cầm lấy.

Kế là khẩu thọ, ý là phòng hộ thọ nhân bằng tay. Nếu không có khẩu pháp thì quá ngộ liền mất. Vì có khẩu pháp cho đến rời xuống hai bên, vì ngăn ngừa phạm nhiều lỗi, dùng tay để thọ nhận chỉ ngăn ngừa hai lỗi nên dưới đây sẽ giải thích rõ điều này.

2/ Thọ có chung cho bốn thứ thuốc không?

Dùng tay thọ nhân chung cho cả bốn thứ thuốc. Vì ngăn ngừa

tướng trọng. Dùng khẩu thọ có cục ba: Trừ thời dược, cũng có khẩu thọ không chung với thủ kho. Chỉ có cục giữa và trước. Còn ba loại thuốc khác dùng tay thọ nhận cũng như vậy, nếu thêm khẩu pháp chung với thuốc đúng thời và thuốc phi thời.

Lật Thập Tụng chép: Thời phần là tên khác của thuốc phi thời, thuốc bảy ngày, thuốc suốt đời, là ba loại thuốc phải có khi bệnh. Luật không nêu lên ban đêm ác tróc. Hai thứ thọ nhận: bằng tay và bằng miệng đều được dùng, hai chỗ trao cho người:

Dùng tay thọ nhận chia làm năm nghĩa, trừ đồng loại ngoài ra sáu chúng, ba đường đều thành.

Luận Tát-bà-đa chép: hễ thọ nhận thức ăn là làm chứng minh. Nếu ở chỗ có người mà toàn là phi nhân, súc sinh và trẻ con không hiểu biết thì đều không thành thọ nhận. Nếu ở chỗ không người chỉ có thiên thần, súc sinh thì thành thọ nhận. Nay đủ như trong giới tùy tướng Bất thọ thực.

Luật Thiện Kiến chép: có ba thứ chỉ thực: Tay, miệng, mắt; còn pháp bốn thọ có khác nhau. Nói về pháp thọ thì tâm cảnh phải tương đương. như trong luật nói: nhận lầm bơ dầu đều không thành thọ, v.v... phải ngửa tay nhận lấy (Luật Ngũ Phần đã nói: từ bên tịnh nhân khác, sao cho tan ra để lấy là phi pháp. Tình tương lãnh đương (nghĩa là hai bên Tăng tục đồng một duyên sự). Trừ mắt mờ và bất hỷ Sa-môn, có duyên gặp, sợ hãi thì để dưới đất mà thọ. Đã biết tình sự nhiều ngang trái mà vẫn sẵn lòng nhận cả. Trong Luật Tứ Phần: pháp thời dược thọ đã tính đối pháp cũng nhiều. Đủ như trong giới bất thọ thực và đối thí hưng yếm đã nói rộng. Đây vẫn nói về pháp gia khẩu còn ba thứ dược thì nói riêng.

Đầu tiên nói về thuốc phi thời, có bốn loại:

1. Thuốc thọ nhận.
2. Người nằng thọ
3. Người thọ nhận
4. Pháp chánh thọ

Đầu tiên nói về thể của thuốc, không có tám tai hoạn thì được pháp gia khẩu:

1* Nội tức. 2. Nội chữ. 3. Tự nấu. 4. Ác xúc. 5. Tàn tức. 6. Không hễ nhận bằng tay. 7. Thọ rồi ngưng trong giây lát. (Luật Tăng-kỳ nói: thọ phi thời thì nhận nhưng bảo họ để dưới đất) 8. Tay thọ rồi biến động vì những vị ngọt chua mất bốn vị).

2. * Người nằng trao, có bốn pháp.

1. Mầu nước lượ trong khỏi ăn phi thời.
 2. Nấu sôi sau để cho nguội dần, sinh khát không cần.
 3. Nhỏ nước lên để tác tịnh làm mất mùi vị.
 4. Tịnh nhân có long cứng đường, thì ngửa tay cầm
- 3* Người thọ nhận: Tỳ-kheo làm ba pháp.

1. Trước và trên hết phải tự mình giải thích, phân biệt loại nước trái cây ép cho tịnh nhân hiểu.

2. Ngửa tay thọ nhận không phải là tương ăn trộm.

3. Ghi chép, hiểu biết, nói năng, đây gọi là hàm thời thực, nếu nước đơn thanh thì không cần).

4* Chánh thức pháp gia khẩu các bộ đều bảo là thêm, không rút ra văn nghĩa trong luật đã thành lập), nên đến chỗ Tỳ-kheo đầy đủ lễ nghi bạch rằng:

Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo... nay vì nhân duyên bệnh khát. Đây là nước gừng, vì muốn để nửa đêm uống, cho nên nay xin thọ với Đại đức (nói ba lần; nếu nhận ngay thì uống không được đổ, không cần như pháp) nếu quả nhỏ, lê, mật, tương, tùy theo bệnh mà nêu tên loại tương gì để uống nhưng phải đổi thành chữ thuốc.

Thuốc bảy ngày có bốn pháp cũng giống như trên.

1. Nói về thể của thuốc: nếu không có tám thứ họa hoạn thì chỉ đổi thành thứ tám. Chẳng phải là thuốc bảy ngày của Tỳ-kheo khác. Có người đã phạm còn làm hỏng thức ăn (thuốc). Còn những thuốc bảy ngày khác cũng giống như trên.

2. Tịnh nhân năng trao có bốn pháp.

a. Tịnh sát dữ thời thực biệt (nghĩa là mỡ đã bỏ thịt, dầu đã loại bỏ cặn).

b. Nấu bằng lửa.

c. Nhỏ nước để làm tịnh.

d. Thí tâm trao cho tâm lĩnh thọ lẫn nhau.

3. Tỳ-kheo sở thọ có hai:

1/ Tự mình không có năm lỗi:

a. Tương tục xúc. (giữ liên tục): nếu giữ tới bảy ngày thì không thành ngày thọ thuốc. Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo có ngày thứ bảy thọ thạch mật, tức là ngày được dùng thạch mật trở lại, cho nên gọi là tương ô.

Hỏi: việc này chưa thành lỗi sao gọi là nhiễm nhau?

Đáp: do bảy ngày trước đã uống và đã hết bệnh rồi, bây giờ lại uống nữa thì không có lợi ích, tác pháp không thành. Nếu có được thuốc

khác thì cho giữ thêm bảy ngày nữa.

b. Tương tục xúc: Đã từng cất thuốc đến tám ngày, phạm tội chứa dư, tức là ngày cầm thuốc trên tay tác pháp bị nhiễm, lại không chịu uống.

c. Từng uống thuốc để đến ngày thứ bảy của người khác). Tức là ngày tự mình tác pháp không thành, vì chung với vị của thuốc. Luật Tăng-kỳ nói như vậy.

d. Tương tục thọ: Luật Tăng-kỳ chép: trong bảy ngày, ngày nào Tỳ-kheo cũng thọ nhận thuốc không được thọ nhận lại, phải thọ nhận hàng ngày, không được thọ nhận lại, phải thọ nhận hàng ngày, không được gián cách mà nhận. Nghĩa là thamnhiều quá thọ lại không uống để trị bệnh (Luật Tứ Phần không có văn, y cứ theo đây mà dùng, cũng tốt).

e. Tương tục phạm:

Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo vẫn thường uống thuốc bảy ngày, đến ngày thứ tám thì cũng có thể uống, hết ngày thứ tám thì không được uống nữa, cứ nhận những thứ thuốc khác. Trên đã nói rõ pháp tương tục đối với thuốc mật. Nếu được dầu cũng là gia pháp.

Luật Tăng-kỳ chép: bơ sống, bơ chín, đề hồ lần lượt đổi khẩu vị trong bảy ngày được thọ nhận.

Tự tác, có bốn pháp:

a. Ngừa tay nhận

b. Phân biệt nói ý tưởng làm dầu bảy ngày. Nếu bốn tâm làm đốt đèn, đồ xúc để thọ nhận thì không thành như trong Luật Tăng-kỳ có nói.

c. Nhớ biết nói: trong đây những vật đã tác tịnh mà còn sống, tôi nên thọ nhận (nếu thời gian đã quá xa thì ăn mà không cần phải nói lời này).

d. Triển chuyển thọ bơ sống làm bơ chín [page 124] nên bảo tịnh nhân nấu nướng đã có tịnh nhân nhận làm. Tuy trước đã nhận rồi đặt vào một nơi đừng bảo tịnh nhân đựng vào.

4. Chánh gia khẩu pháp

Nên cầm thuốc, nói:

Đại đức một lòng nghĩ, tôi là Tỳ-kheo... nay vì nhân duyên bị bệnh gió. Đây là thuốc bảy ngày dầu ô ma, vì muốn để qua bảy đêm để uống. Cho nên nay thọ nhận với Đại đức. (nói ba lần rồi đặt xuống chỗ đất sạch, người cần thì tự cầm lấy).

Ngoài ra tùy theo việc đối trị nên y theo loại trước.

Thuốc suốt đời, có bốn loại.

a. Thuốc không có tám họa hoạn, như đã nói trong phần nước trái cây ép.

b. Trao cho người làm (thường đưa cho người làm) có ba pháp:

b1. Hòa tịnh rồi, không còn lỗi sinh.

b2. Khác với thuốc còn dư (nghĩa là hợp thời, thức ăn bằng với thuốc).

b3. Thi tâm trao cho tình tương lĩnh đương. Tỳ-kheo thọ nhận được làm ba pháp.

a. Ngửa tay thọ nhận tâm cảnh đồng với tịnh nhân.

b. Nhớ biết như pháp trên: nếu một mình thì không cần

c. Phân thể phần: Gọi tử uyển hoàn là thể của thuốc. Nhưng có thận di là phần thuốc. Hai pháp nhận riêng, gọi chung là đến để nhận (đến hợp thọ).

Bốn pháp gia khẩu nói:

Đại đức một lóng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo... vì nhân duyên khí bệnh, đây là (vỏ gừng, tiêu, quýt và tử uyển hoàn), là thuốc suốt đời, vì muốn để uống suốt đêm, nên nay thọ nhận với Đại đức (ba lần).

Nếu trong hoàn tán, y theo căn bệnh của mình mà uống, năm ba màu sắc khác nhau, mỗi loại y cứ vào địa phương mà nêu tên nhập pháp.

Như trước đã phân biệt. Nếu mua thuốc chưa đủ thì cứ tiện tay bốc một nắm tức là pháp gia khẩu. Nhưng thể thì suốt đời. Y cứ theo bốn danh gia pháp, nếu là thuốc đúng thời, thuốc bảy ngày (như đại táo, rau, mì, đậu, tương, dương cất, hồ nhân đầu bạch, các loại mật, bơ, dầu). Gặp duyên không được thọ dùng chung với thuốc suốt đời, chỉ được dùng trong nhất thời. Phải nói thêm: nay vì nhân duyên khí bệnh, đây là dương cất, thuốc suốt đời tử uyển được phần vì muốn để qua nhiều đêm, những từ ngữ khác cũng giống như trên (còn những thứ khác y cứ theo đây để thí dụ).

Nếu đến chợ mua thuốc thì bảo tịnh nhân trả giá, Tỳ-kheo y cứ theo danh mục tự chọn lấy nhiều hay ít. Nếu một chỗ có thuốc thì bảo cân rồi thứ lớp nhận lấy, không được đặt xuống đất. Tức là tìm Tỳ-kheo thêm vào. Không được quá hạn, nay vâng theo pháp ít có một, hai. Phần nhiều mặc theo tâm ngu si chèn ép Phật pháp. Hễ được thì liền nhai không kể là dơ hay sạch, nói chuyện lớn tiếng, bàn luận vô ích. Chuyện đời thì tỏ ra mình biết nhiều, nhưng nếu nhiếp tâm thuận giáo thì một việc cũng không thấu suốt. Đâu biết là tương lai sẽ đọa vào đường ác

nên vẫn cứ thích thú sự tha, si ở hiện tại. Người có hiểu biết thì tự soi sâu vào tận tâm ý mình (tự hiểu lấy mình).

5. Thuyết tịnh:

Thuốc bảy ngày làm khẩu pháp rồi thiên tâm thuộc về mình, phải thuyết tịnh để chữa.

1. Thể của thuốc quý trọng, tâm tham chứa nhiều.

2. Nghĩa thời gian lâu dài không có biến động.

3. Khí vị khác thường, năng lực giúp thân mạnh mẽ. Quy chế, thuyết tịnh phải bỏ sự bao bọc bên ngoài.

4. Dùng tay thọ nhận thuốc bảy ngày thì rất hiếm nên cũng không cần nói: ngoài ra ba loại thuốc khác ngược lại với cái trước không đầy đủ cho nên không phải tịnh.

5. Pháp tịnh rất giống pháp y, chỉ có thuốc lâu dài là khác.

6. Hai thọ thông bí.

Tay nhận thọ ngăn ngừa tội trộm. Một người đã thọ nhận thông qua người khác, khẩu thọ cũng vậy. Nếu xét thấy đúng bệnh, ghi tên thật cũng không thông. Chẳng có gì không dùng khẩu pháp ấy, thêm vào pháp được khác là nhị thông (được vị thông, chủ thọ thông). Cho nên xả bỏ, người trước thọ pháp thì không mất. Vì sao biết được? Vì Luật Tứ Phần nói: Thuốc để đến ngày thứ bảy cho các Tỳ-kheo uống. Ngoài ra ý nghĩa giống như số sao đã nói. Đến ngày thứ bảy có thêm nữa hay không?

7. Nếu đã nói dụng tay sờ vào, thọ nhận mà mất cái mình vốn được thọ thì phải thọ lại. Tuy nhận lại không có lỗi nhưng trong khẩu pháp, luận Tát-bà-đa chép: Đã năm ngày rồi vẫn còn xúc chạm thì thêm cho pháp bảy ngày. Chẳng dùng pháp hai ngày, không theo thể thuốc mà phải theo đúng pháp bàn luận. Nếu đã qua sáu ngày rồi thì bỏ không được thêm nữa, vì thuốc nước đã vào tịnh.

Luật Tăng-kỳ chép: thể thuốc nối tiếp nhau, bảy ngày có thể biết. Như trên, tịnh nhân sờ nhâm vào dầu bảy ngày thành mất.

Thành Luận chép: như cách uống đủ bảy ngày mới yên tâm là bệnh được hết.

8. Nói về các tướng: Luận Tát-bà-đa nói: nếu Tỳ-kheo có bệnh cần thuốc bảy ngày nhưng nếu không nhờ tịnh nhân thì khó kiếm được nên phải thọ nhận từ tay tịnh nhân, từ miệng Tỳ-kheo thọ nhận. Đã gom về một chỗ thì trong bảy ngày phải lấy dùng. Nếu làm khẩu pháp rồi, từ một ngày đến năm ngày.

Tịnh nhân đến đựng vào, hoặc vì cho, không nhận thuốc để lần

lộn. Nên thêm hai cách thọ thủ thọ, khẩu thọ thì được uống bảy ngày.

Nếu đến ngày thứ sáu đã đến tịnh nhân, bảo sớ vào những thứ thuốc lẫn lộn khác thì đều không thành thêm.

Nếu thuốc nhiều không biết người nào là chủ của nó thì nên thọ nhận bằng hai cách: tay thọ, miệng thọ, sau đó mới uống.

Nếu bệnh nặng không thể dùng miệng nhận thì được uống ngay.

Nếu như Tỳ-kheo nuôi bệnh dùng hai cách: Tay nhận, miệng nhận thì cũng thành pháp thọ, phải gọi tên Tỳ-kheo bệnh và thọ nhận.

Hỏi: hai cách nhận: tay nhận và miệng nhận này để ngăn chặn điều gì?

Đáp: Luật Tứ Phần nói: thuốc thì bàn luận riêng. Như thuốc đúng thời, tay nhận thọ phòng hai tội, nhận sự xúc chạm thô thiển. Khẩu thọ cũng giống như vậy.

Phi thời tương, dùng cách tay nhận để ngăn hai tội.

Một là ngăn tội đến mà không thọ nhận.

Hai là ngăn ngừa không thọ nhận mà cầm nắm thô thiển (các xúc).

Miệng nhận ngăn ngừa hai tội. Một là người lỗi quá ngộ mất thọ, hai là người lỗi quá thời mất thọ, ác tức.

Thuốc bảy ngày tay nhận ngăn ngừa hai tội, giống như trong pháp thọ thuốc mới, miệng nhận ngăn ngừa ba tội. Một là ngừa quá thời mất thọ. Hai là ngừa lỗi quá ngộ ác tức. Ba là đê mê tàn. Xưa nói ngăn ngừa nội tức. (đây không có văn trong luật, lấy suốt đời làm chứng, lệ theo mà biết, không khai).

Thuốc thọ suốt đời, dùng cách tay nhận giống như trên.

Miệng nhận ngừa sáu tội.

Một là quá thời mất thọ, không thọ, hai là ác tức, ba là đê mê tàn, bốn là nội tức, năm là có người nấu trong đê mê. Sáu là tự nấu (vì biến sống thành chín). Rõ ràng là nhân sinh tội (vì chưa thọ nhận nên không có các lỗi lầm, nay đã đưa ra hai cách thọ nhận thì lỗi lầm sinh)

Thuốc đúng thời dùng cách tay nhận, nếu quá ngộ phạm hai tội.

Mất nhận ác tức: Trải qua đê mê sinh ra đê mê, hai tội tàn tức và tác xúc.

Nếu phi thời, dùng cách tay nhận, phạm hai tội cũng giống như trong thuốc đúng thời.

Dùng cách miệng nhận, phạm ba tội. Minh tương xuất hiện có thuốc phi thời, đê mê tàn ác tức. Thuốc bảy ngày dùng cách tay nhận, phạm hai tội, giống như trên. Dùng cách miệng nhận, phạm năm tội.

8/ Mặt trời mọc thì nói: Đêm tàn, phi thời phạm xả đoạ. Ác xúc phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Bất xả dục phạm Đột-cát-la.

Hỏi: vì sao bất sinh bất thọ?

Đáp: thuốc vốn là bất thọ, giống như thêm khẩu pháp mắt không thọ, đến sáng ngày thứ tám thức dậy, nếu có vẫn mặc tình mất thọ, không gọi là năng sinh bất thọ, không giống như đêm tàn, vốn chẳng phải đêm tàn vì có cách miệng nhận, tám ngày có phạm lỗi đêm tàn, thuốc phi thời cũng vậy.

Thể của thuốc chưa có pháp, không có thời và phi thời. Thọ suốt đời là phương cách tay nhận giống như trước, phương cách miệng nhận cũng phạm sáu tội.

Không bệnh mà uống phạm Đột-cát-la. Ngoài ra nói nay đủ như trong ba giới tùy tướng, phi thời, bất thọ tàn đêm.

Hỏi: Trong bốn thứ thuốc, vì sao tội bảy ngày nặng hơn ba tội khác?

Đáp: Thuốc đúng thời hễ nuốt xuống khỏi cổ thì phạm bảy tội, phi thời, tàn đêm bất thọ, phạm Ba-dật-đề. Nội súc, nội chử, ác xúc phạm Đột-cát-la. Đây gọi là qua đêm rồi không qua trao cũng không thể không chịu tội, những tội khác thể theo đây mà có hay không.
